TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2018/DS-ST
Ngày: 20-6-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Tiến

2. Bà Vũ Thị Thu Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Hà Thiên Tâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm: 1975

Địa chỉ: 581/15 đường C, Phường D Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông B, sinh năm: 1973

Địa chỉ: 241 đường F, Phường G, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà A trình bày:

Vào ngày 10/01/2016, bà cho ông B vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Hai bên có viết giấy mượn nợ ngày 10/01/2016. Ông B hứa trả cho bà A mỗi tháng 10.000.000 đồng kể từ ngày 10/02/2016 cho đến khi hết nợ. Để làm tin, ông B cho bà A cùng đứng tên trên hợp đồng cho bà C thuê căn nhà số F đường M, Phường N, Quận I và hứa với bà A mỗi tháng lấy tiền cho thuê nhà trả cho bà A. Tuy nhiên, ông B đã không thực hiện lời hứa và không trả nợ cho bà A cho đến ngày hôm nay.

Tại bản tự khai ngày 23/01/2018, bà C trình bày: Bản thân bà có thuê căn nhà số F đường M, Phường N, Quận I để kinh doanh, tuy nhiên không phải thuê của bà Avà ông B mà thuê từ ông D. Bà C đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm trả tiền thuê nhà cho ông D. Bà không liên quan gì đến việc vay tiền giữa bà A và ông B nên từ trước đến nay bà không trả tiền thuê nhà cho bà A.

Tại phiên tòa, bà A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông B trả số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hoà giải cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng ông B không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và xét xử vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay là vi phạm quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn là A và bị đơn là ông B là "tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với giấy vay tiền ghi ngày 10/01/2016 là chứng cứ bà A nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho ông B. Tuy nhiên, ông B vắng mặt trong quá trình Tòa tiến hành tố tụng và không có văn bản phản đối chứng cứ do bà A đưa ra nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà bà A nộp cho Tòa án để xét xử vụ án.

Căn cứ vào giấy mượn nợ ghi ngày 10/01/2016 có cơ sở xác định ông B có vay của bà A số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, ông B phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà A mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng kể từ ngày 10/02/2016. Như vậy, thời hạn cuối cùng để ông B trả hết số nợ trên là tháng 12/2016.

Đối với hợp đồng thuê mặt bằng giữa ông B, bà A và bà C. Bà A và bà C cùng xác nhận bà C không trả tiền thuê nhà cho bà A, như vậy số tiền ông B còn nợ lại bà A đến nay là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Nếu sau này có tranh chấp về hợp đồng thuê mặt bằng ngày 10/01/2016 thì các đương sự có thể khởi kiện thành vụ án khác.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Tuy nhiên cho đến nay, đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà A là vi phạm những điều kiện đã đã thỏa thuận tại giấy mượn nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc bà A khởi kiện ông B yêu cầu trả số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463; khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông B trả cho bà A số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: 5.000.000 (năm triệu) đồng, ông B chịu.

Bà A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001751 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày: Đối với bà A kể từ ngày tuyên án, đối với ông B kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan